NỘI QUY CẢNG BIỂN
THUỘC KHU VỰC QUẢN LÝ
CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI THANH HÓA

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM

CẢNG VỤ HÀNG HẢI THANH HÓA

NỘI QUY CẢNG BIỂN

THUỘC KHU VỰC QUẢN LÝ CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI THANH HÓA

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU 15

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG 19

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 19

Điều 2. Đối tượng áp dụng 20

Điều 3. Cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải và các cơ quan chuyên ngành tại cảng biển 20

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ 21

Mục 1

THÔNG TIN LIÊN LẠC TẠI CẢNG BIỂN 21

Điều 4. Thông tin liên lạc 21

Mục 2

THỦ TỤC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI TẠI CẢNG BIỂN

Điều 5. Yêu cầu chung đối với tàu thuyền đến, rời và hoạt động tại cảng biển 23

Điều 6. Thông báo, xác báo tàu thuyền đến, rời cảng biển; xác báo thông tin điều động tàu thuyền 23

Điều 7. Thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, đến, rời cảng biển, quá cảnh 24
Điều 8. Thủ tục đối với các hoạt động hàng hải khác tại cảng biển 25
Mục 3
HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU THUYỀN TẠI CẢNG BIỂN . 28
Điều 9. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ hàng hải . 28
Điều 10. Hành trình của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển 29
Điều 11. Hoạt động tại Bến phao SPM và khu neo đậu chuyển tải ngoài khơi 31
Điều 12. Yêu cầu đối với tàu thuyền neo đậu 31
Điều 13. Cập cầu, cập mạn tàu thuyền 32
Điều 14. Hoạt động của tàu thuyền vận chuyển hành khách, du thuyền 33
Điều 15. Hoạt động xây dựng, thi công kết cấu hạ tầng cảng biển và các công trình trong vùng nước cảng biển ... 33
Mục 4
DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI 35
Điều 16. Yêu cầu đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải 35
Điều 17. Lập kế hoạch, thông báo, xác báo kế hoạch dẫn tàu 35
Điều 18. Yêu cầu khi đón, trả hoa tiêu 35

Điều 19. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu.....36
Điều 20. Trách nhiệm, nghĩa vụ của thuyền trưởng khi tự dẫn tàu 37
Điều 21. Trách nhiệm phối hợp giữa hoa tiêu, thuyền trưởng, tàu lai dắt hỗ trợ và doanh nghiệp cảng.....37
Mục 5
LAI DẮT HỖ TRỢ TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN 38
Điều 22. Sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ.....38
Điều 23. Tăng, miễn, giảm tàu lai dắt hỗ trợ.....41
Mục 6
AN TOÀN HÀNG HẢI.....44
Điều 25. Yêu cầu chung về Bảo đảm an toàn hàng hải.....44
Điều 26. Phương án bảo đảm an toàn hàng hải.....44
Điều 27. Phân luồng giao thông trong vùng nước cảng biển.....44
Điều 28. Phòng chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn 45
Điều 29. Xử lý tai nạn hàng hải và sự cố hàng hải.....46
Điều 30. Phòng, chống cháy, nổ.....47
Mục 7
AN NINH HÀNG HẢI, LAO ĐỘNG HÀNG HẢI 48
Điều 31. Bảo đảm an ninh hàng hải 48
Điều 32. Lao động hàng hải 48

Mục 8
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 49
Điều 33. Bảo vệ môi trường tại cảng biển 49
Điều 34. Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường từ hoạt động tàu thuyền 49
Điều 35. Quản lý nước dằn tàu, thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền 50
Điều 36. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 50
Mục 9
TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI 51
Điều 37. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải 51
Điều 38. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng, bến phao, doanh nghiệp hoạt động bốc xếp tại các khu vực neo đậu, chuyển tải 52
Điều 39. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển 55
Điều 40. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển 56
Điều 41. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển 56
Điều 42. Trách nhiệm của doanh nghiệp đóng mới, sửa chữa, phá dỡ, hoán cải tàu thuyền 57

Điều 43. Trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động thu gom chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển ... 57
Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải và công bố thông báo hàng hải ... 57
Điều 45. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng hải khác ... 58
Mục 10
CÔNG TÁC PHỐI HỢP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI ... 59
Điều 46. Phối hợp hoạt động giữa các Cảng vụ Hàng hải 59
Điều 47. Phối hợp giữa Cảng vụ Hàng hải với các cơ quan quản lý nhà nước khác ... 59
Mục 11
CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN KHÁC ... 60
Điều 48. Hoạt động thể thao, diễn tập tìm kiếm cứu nạn, hoạt động diễn tập quân sự ... 60
Điều 49. Kiểm dịch y tế, kiểm dịch thực vật, kiểm dịch động vật, phòng chống dịch bệnh ... 60
Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN ... 61
Điều 50. Trách nhiệm thực hiện ... 61
Điều 51. Tổ chức thực hiện ... 62

Phụ lục I

THÔNG TIN CHUNG VỀ VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN, KHU VỰC HÀNG HẢI THUỘC ĐỊA PHẬN TỈNH THANH HÓA VÀ KHU VỰC QUẢN LÝ CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI THANH HÓA 63

A. DANH MỤC BẾN CẢNG 63

B. TUYẾN LUỒNG HÀNG HẢI TẠI CẢNG BIỂN THANH HÓA 67

C. BẢN VẼ VÀ GIỚI HẠN PHẠM VI VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN THANH HÓA 69

D. BẢN VẼ VÀ GIỚI HẠN PHẠM VI VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN THANH HÓA 72

E. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI VÀ ĐIỀU KIỆN HÀNG HẢI KHU VỰC CẢNG BIỂN THANH HÓA 77

Phụ lục II

THÔNG TIN CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HÀNG HẢI, CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH KHÁC TẠI CẢNG BIỂN VÀ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN 80

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Đinh Quang Đăng

Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa

BAN BIÊN SOẠN

1. Ông **Đinh Quang Đăng**

- Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Tổ trưởng

2. Ông **Lê Duy Hiếu**

- Phó Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Tổ phó

3. Ông **Trần Quang Huy**

- Phó Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Tổ phó

4. Ông **Lê Tiến Duy**

- Quyền Trưởng phòng Quản lý kết cấu hạ tầng, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Tổ phó

5. Ông **Đinh Văn Dũng**

- Trưởng phòng An toàn - An ninh hàng hải Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Ủy viên

6. Ông **Nguyễn Hữu Quế**

- Phó Trưởng phòng An toàn - An ninh hàng hải, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa, Ủy viên - Thư ký

7. Ông **Mai Ngọc Long**

- Phó Trưởng Đại diện, Phụ trách Đại diện Lệ Môn, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Ủy viên

8. Ông **Trương Ngọc Hải**

- Chuyên viên phòng Quản lý kết cấu hạ tầng, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Ủy viên

9. Ông **Lê Bá Hưng**

- Chuyên viên phòng An toàn - An ninh hàng hải, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Ủy viên

10. Ông **Vũ Đình Quý**

- Chuyên viên phòng An toàn - An ninh hàng hải, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Ủy viên

11. Ông **Võ Duy Anh**

- Chuyên viên phòng Quản lý kết cấu hạ tầng, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Ủy viên

12. Ông **Mai Văn Khánh**

- Chuyên viên phòng Quản lý kết cấu hạ tầng, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Ủy viên

13. **Hoàng Khắc Nam**

- Chuyên viên phòng Quản lý kết cấu hạ tầng, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Ủy viên

14. Ông **Lê Văn Hùng**

- Chuyên viên phỏng Tổ chức Hành chính, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Ủy viên

15. Ông **Đặng Ngọc Thành**

- Chuyên viên phòng Tổ chức Hành chính, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Ủy viên

16. Ông **Nguyễn Duy Mạnh**

- Chuyên viên phòng An toàn - An ninh hàng hải, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Ủy viên

17. Bà **Hồ Thị Hoài**

- Chuyên viên phòng Tổ chức Hành chính, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Ủy viên

18. **Đinh Hùng Cường**

- Chuyên viên Đại diện Lệ Môn, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Ủy viên

19. Ông **Trịnh Đức Việt**

- Chuyên viên Đại diện Lệ Môn, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Ủy viên

20. Ông **Phạm Hồng Quang**

- Chuyên viên Đại diện Lê Môn, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Ủy viên

21. Bà **Phạm Thị Hoa**

- Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Ủy viên

22. Ông **Phạm Trung Đức**

- Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Ủy viên

23. Ông **Nguyễn Mạnh Toàn**

- Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Ủy viên

24. Bà **Nguyễn Thị Thư**

- Chuyên viên Đại diện Lệ Môn, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Ủy viên

25. Ông **Lê Ngọc Tuân**

- Chuyên viên Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Thành viên

26. Ông **Nguyễn Đình Toàn**

- Chuyên viên Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Thành viên

27. Ông **Vũ Tùng Dương**

- Chuyên viên Phỏng Quản lý Kết cấu hạ tầng, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Thành viên

28. Bà **Phan Thị Ninh**

- Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa - Thành viên.

LỜI NÓI ĐẦU

Nội quy cảng biển là văn bản quy định chi tiết hoạt động hàng hải tại vùng nước cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa, được xây dựng trên cơ sở các quy định chung của Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Nghị định 58/2017/NĐ-CP và các văn bản pháp lý liên quan khác. Mục tiêu chính của nội quy là đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh cảng, bảo vệ môi trường và tạo điều kiện thuận lợi, an toàn cho các hoạt động giao thông tại khu vực cảng biển.

Nội quy cảng biển Thanh Hóa được ban hành tại Quyết định số 1018/QĐ-CVHTH ngày 23/9/2020 của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa. Sau hơn 05 năm triển khai thực hiện, các cơ sở pháp lý liên quan đến việc ban hành Nội quy cảng biển, tình hình đầu tư xây dựng các kết cấu hạ tầng Hàng hải, phạm vi quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa, tình hình thực tế tại cảng biển Thanh Hóa đã có nhiều thay đổi về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ. Do đó đòi hỏi các quy định quản lý chuyên ngành Hàng hải tại khu vực quản lý của Cảng vụ

Hàng hải Thanh Hóa phải được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế.

Để bảo đảm sự đồng bộ, hiện đại trong công tác quản lý nhà nước về Hàng hải; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế biển, dịch vụ logistics, bảo đảm quốc phòng, an ninh; tạo thuận lợi cho việc quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả kết cấu hạ tầng Hàng hải; đồng thời phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt và tình hình thực tế tại địa phương sau khi sắp xếp, kiện toàn đơn vị chính quyền hành chính các cấp, việc xây dựng lại và ban hành Nội quy cảng biển Thanh Hóa mới là hết sức cần thiết, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước chuyên ngành Hàng hải, bảo đảm hoạt động thống nhất, đồng bộ, tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ doanh nghiệp, người dân; góp phần vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế chung ở mức 2 con số do Đảng, Chính phủ đề ra.

Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa dưới sự chỉ đạo của Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam đã ban hành Nội quy cảng biển mới nhằm mục đích cập nhật và điều chỉnh các quy định tại cảng biển Thanh Hóa cho phù hợp với nguyên tắc nêu trên. Nội quy cảng biển

sau khi được ban hành sẽ bổ sung hành lang pháp lý đầy đủ, rõ ràng cho việc tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động hàng hải, bảo đảm an toàn, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường trong vùng nước cảng biển, đồng thời nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực hàng hải tại cảng biển, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính trong tình hình hiện nay. Với yêu cầu và nhiệm vụ trên, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa đã biên soạn, xuất bản cuốn "*Nội quy cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa"* để phổ biến đến đội ngũ công chức và người lao động Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa, các tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài nghiên cứu thực hiện khi tham gia hoạt động hàng hải tại cảng biển Thanh Hóa.

Trong quá trình triển khai áp dụng, rất mong nhận được các ý kiến tham gia góp ý của quý doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan để Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa chọn lọc, tiếp thu, điều chỉnh, bổ sung, ban hành với chất lượng được tốt hơn, khắc phục được các khiếm khuyết trong quá trình biên soạn, xuất bản (nếu có).

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

CẢNG VỤ HÀNG HẢI THANH HÓA

NỘI QUY CẢNG BIỂN
THUỘC KHU VỰC QUẢN LÝ
CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI THANH HÓA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 609/QĐ-CVHHTH ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nội quy này quy định cụ thể về hoạt động hàng hải tại vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa.

2. Vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải địa phận tỉnh Thanh Hóa và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa được quy định tại Thông tư số 52/2025/TT-BXD ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa. Bao gồm 02 khu vực hàng hải: Khu vực hàng hải Lệ Môn - Lạch Sung; Khu vực hàng hải Nghi Sơn.

Thông tin chung về vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa tại Phụ lục I kèm theo Nội quy cảng biển này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nội quy cảng biển này được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài hoạt động hàng hải trong vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa.

2. Các quy định về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tại Nội quy cảng biển này cũng được áp dụng đối với cảng cá và cảng, bến thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa.

Điều 3. Cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải và các cơ quan chuyên ngành tại cảng biển

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải tại cảng biển Thanh Hóa là Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa *(sau đây viết tắt là Cảng vụ)*, cụ thể như sau:

a) Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa

- Địa chỉ: Phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Điện thoại: +(84) 825093636

- Điện thoại trực ban VTS Nghi Sơn:

+(84) 2373.862.517

- Email: cangvuhanghaithanhhoa.tha@gmail.com

- Website:

http://www.cangvuhanghaithanhhoa.gov.vn

b) Đại diện Lệ Môn

- Địa chỉ: Cảng Lệ Môn, số 02, đường Bạch Đằng, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa

- Điện thoại: +(84) 2378.983.636

- Email: daidienthanhhoa@gmail.com;

2. Thông tin về các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển *(chi tiết tại Phụ lục II).*

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
THÔNG TIN LIÊN LẠC TẠI CẢNG BIỂN

Điều 4. Thông tin liên lạc

1. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có thể liên lạc trực tiếp với Cảng vụ thông qua hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa *(sau đây viết tắt là VTS Nghi Sơn)* trên kênh 16 VHF hoặc qua điện thoại, email quy định tại Điều 3 của Nội quy này.

2. Tàu thuyền thuộc đối tượng áp dụng của Quy chế quản lý hoạt động VTS Nghi Sơn phải duy trì trực VHF 24/24 giờ để được chỉ dẫn hành hải. Trường hợp tàu thuyền không thuộc đối tượng áp dụng của Quy chế quản lý hoạt động VTS Nghi Sơn khi hoạt động hoặc di chuyển qua khu vực hàng hải Nghi Sơn có thể liên lạc với VTS Nghi Sơn để được chỉ dẫn hành hải.

3. Việc sử dụng thiết bị thông tin liên lạc được thực hiện theo Quy chế quản lý hoạt động VTS Nghi Sơn theo yêu cầu sau:

a) Ngôn ngữ sử dụng liên lạc trên kênh VHF: tiếng Việt hoặc tiếng Anh;

b) Kênh trực canh VHF: 16;

c) Kênh làm việc VHF: 14;

d) Kênh liên lạc với hoa tiêu VHF: 12;

đ) Trong trường hợp cần thiết, tàu thuyền có thể liên lạc qua Đài thông tin Duyên hải Thanh Hóa;

e) Việc gọi, trả lời trên kênh trực canh phải được tiến hành nhanh chóng và phải chuyển sang kênh làm việc ngay sau khi đã liên lạc được với nhau;

f) Tất cả tàu thuyền, tổ chức và cá nhân không được làm ảnh hưởng đến việc thông tin liên lạc của Cảng vụ trên kênh 14, 16 VHF. Nghiêm cấm tàu thuyền khi hoạt động trong vùng nước cảng biển sử dụng VHF vào mục đích riêng trên kênh 16 VHF.

Mục 2
THỦ TỤC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI TẠI CẢNG BIỂN

Điều 5. Yêu cầu chung đối với tàu thuyền đến, rời và hoạt động tại cảng biển

1. Tàu thuyền đến, rời và hoạt động tại cảng biển phải bảo đảm các điều kiện theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Hàng hải Việt Nam; Mục 1 Chương IV; Mục 1 và Mục 2 Chương V của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, tàu thuyền đến cảng biển phải có chiều dài, trọng tải, mớn nước, độ cao tĩnh không và các thông số kỹ thuật liên quan khác phù hợp với điều kiện thực tế của luồng hàng hải, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng quay trở và các công trình khác đã được các cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định.

Điều 6. Thông báo, xác báo tàu thuyền đến, rời cảng biển; xác báo thông tin điều động tàu thuyền

1. Việc thông báo, xác báo tàu thuyền đến khu vực cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 87 và Điều 88 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Việc thông báo tàu thuyền rời khu vực cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 87 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Tàu thuyền được miễn thủ tục vào, rời khu vực cảng biển theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 74 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP phải thông báo cho Cảng vụ bằng văn bản hoặc bằng phương thức thông tin liên lạc khác được quy định tại Điều 4 của Nội quy này.

4. Tàu biển hành trình qua các khu vực hàng hải nhưng không dừng lại, chậm nhất 30 phút trước khi đi vào ranh giới vùng nước cảng biển phải thông báo cho Cảng vụ qua VHF hoặc các phương tiện thông tin thích hợp khác về tên tàu, chiều dài, mớn nước, trọng tải toàn phần, hàng nguy hiểm *(nếu có)* và dự kiến hành trình của tàu thuyền trong thời gian đi qua.

5. Chậm nhất ngay trước thời điểm điều động và ngay sau khi kết thúc việc điều động, thuyền trưởng tàu biển Việt Nam, tàu thuyền nước ngoài và phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB phải thông báo cho Cảng vụ biết qua VHF hoặc các phương tiện thông tin thích hợp khác.

Điều 7. Thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, đến, rời cảng biển, quá cảnh

1. Thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, đến, rời cảng biển; quá cảnh thực hiện theo quy định tại các Mục

2, Mục 3, Mục 4 và Mục 5 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và Nghị định số 74/2023/NĐ-CP.

2. Quy định miễn, giảm thủ tục tàu thuyền vào, rời cảng biển đối với các trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 74 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Địa điểm làm thủ tục

a) Trụ sở Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa.

b) Văn phòng Đại diện Lệ Môn.

c) Trường hợp làm thủ tục tại tàu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 77 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Điều 8. Thủ tục đối với các hoạt động hàng hải khác tại cảng biển

1. Trình tự, thời hạn thủ tục phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; khoản 4 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP; Điều 27 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng *(sau đây viết tắt là Nghị định số 14/2026/NĐ-CP)* và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trình tự, thời hạn thủ tục tiến hành các hoạt động lặn hoặc các công việc ngầm dưới nước thực hiện theo quy

định tại điểm e khoản 2 Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; khoản 26 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

3. Trình tự, thời hạn thủ tục tàu thuyền thi công công trình hàng hải, chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét luồng hàng hải và các thiết bị công trình khác thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

4. Trình tự, thời hạn thủ tục dịch vụ sửa chữa, đóng mới và các hoạt động về môi trường trong vùng biển Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 113 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

5. Trình tự, thời hạn thủ tục tàu biển đang đóng hoặc sửa chữa, hoán cải chạy thử thực hiện theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

6. Trình tự, thời hạn thủ tục trình kháng nghị hàng hải thực hiện theo quy định tại Thông tư số 30/2016/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải *(nay là Bộ Xây dựng)* quy định về trình tự, thủ tục xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải.

7. Trình tự, thời hạn thủ tục thẩm định phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải áp dụng

sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển.

8. Trình tự, thời hạn thủ tục phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm xác định được chủ tài sản chìm đắm trong vùng nước cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam.

9. Trình tự tiếp nhận, xử lý hồ sơ và cấp Giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài thực hiện theo quy định Thông tư số 41/2025/TT-BXD ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định thẩm quyền, thủ tục cấp Giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài.

10. Trình tự, thủ tục chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải trong vùng nước cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

11. Trình tự, thủ tục công bố thông báo hàng hải về thiết lập mới báo hiệu hàng hải thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; khoản 19 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP; Điều 33 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP.

12. Trình tự, thủ tục công bố thông báo hàng hải định kỳ về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng

nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước đối với luồng hàng hải chuyên dùng, vùng nước trước cầu cảng và khu chuyển tải chuyên dùng được công bố định kỳ thực hiện theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; khoản 21 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP; Điều 34 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP.

13. Trình tự, thủ tục công bố thông báo hàng hải lần đầu về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước sau khi xây dựng, nạo vét duy tu, cải tạo, nâng cấp thực hiện theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; khoản 22 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP; Điều 35 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP.

14. Trình tự, thủ tục công bố thông báo hàng hải về khu vực thi công công trình trên biển hoặc trên luồng hàng hải thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; khoản 23 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP; Điều 36 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU THUYỀN TẠI CẢNG BIỂN

Điều 9. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ hàng hải

1. Tàu thuyền chỉ được phép neo đậu, di chuyển vị trí, cập cầu, cập mạn hoặc tiến hành các hoạt động tương tự khác trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải khi

có Lệnh điều động hoặc sự chấp thuận của Giám đốc Cảng vụ.

2. Thuyền trưởng và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện chính xác, kịp thời và đầy đủ Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ. Trường hợp không thể thực hiện theo Lệnh điều động, phải thông báo ngay cho Cảng vụ biết để xử lý.

3. Trong các trường hợp khẩn cấp và cần thiết khác, lệnh điều động có thể thực hiện bằng thông tin liên lạc trực tiếp qua VHF, điện thoại hoặc các phương thức thông tin liên lạc phù hợp khác.

4. Kế hoạch điều động tàu thuyền hằng ngày được Cảng vụ đăng tải trên trang thông tin điện tử tại địa chỉ: http://www.cangvuhanghaithanhhoa.gov.vn.

Điều 10. Hành trình của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

1. Tàu thuyền khi hoạt động trong vùng nước cảng biển phải chấp hành quy định theo Thông tư số 19/2013/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định việc áp dụng quy tắc quốc tế về phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển và các quy định khác có liên quan.

2. Khi hoạt động trong khu vực hàng hải Nghi Sơn phải chấp hành nghiêm điều phối của VTS Nghi Sơn;

3. Trừ trường hợp tàu thuyền bị tai nạn, sự cố, không được tự ý neo đậu hoặc dừng lại trên luồng hàng hải, phía

trên đường ống và công trình ngầm dưới nước, phía dưới đường dây điện cao thế, cầu qua sông, gần báo hiệu hàng hải hay các khu vực hạn chế khác. Trong trường hợp cần thiết phải neo đậu hoặc dừng lại, thuyền trưởng phải áp dụng mọi biện pháp phù hợp nhằm bảo đảm an toàn cho tàu mình và các tàu thuyền khác và thông báo cho Cảng vụ biết vị trí và lý do neo, đậu của tàu thuyền, đồng thời nhanh chóng áp dụng biện pháp phù hợp để đưa tàu thuyền đến vị trí neo đậu an toàn theo quy định;

4. Tàu thuyền không được phép đi vào vùng tàu thuyền khác đang quay trở, nếu hành động đó làm ảnh hưởng tới quá trình quay trở;

5. Trường hợp điều kiện thực tế cho phép, tàu thuyền có thể điều động quay trở tại chỗ để rời, cập cầu hoặc rời, cập mạn tàu khác nếu bảo đảm an toàn và không ảnh hưởng tới hành trình, neo đậu của tàu thuyền khác;

6. Trừ trường hợp điều động để tránh nguy cơ đâm va trước mắt, nếu điều kiện kỹ thuật tàu thuyền cho phép và không có quy định khác, tàu thuyền hành trình trên luồng phải tuân thủ theo hướng dẫn của Cảng vụ như sau:

a) Luồng hàng hải Lệ Môn tốc độ không vượt quá 06 hải lý/giờ;

b) Các tuyến luồng hàng hải khu vực Nghi Sơn tốc độ không vượt quá 06 hải lý/giờ. Riêng đối với đoạn luồng hàng hải tổng hợp Nghi Sơn từ phao P0 đến cặp phao số P5, P6 tốc độ không vượt quá 08 hải lý/giờ.

7. Việc hạn chế tốc độ quy định tại khoản 6 Điều này không áp dụng đối với các tàu thuyền: công vụ, cứu hỏa, cứu nạn khi đang làm nhiệm vụ và tàu thuyền cao tốc có thiết kế chuyên dụng khác.

8. Tàu thuyền phải chủ động di chuyển với tốc độ an toàn khi hành trình vào, rời vùng đón trả hoa tiêu hoặc các vị trí neo đậu thuộc vùng nước cảng biển Thanh Hóa.

Điều 11. Hoạt động tại Bến phao SPM và khu neo đậu chuyển tải ngoài khơi

1. Nghiêm cấm tàu thuyền vào vùng an toàn của Bến phao SPM và khu neo đậu chuyển tải ngoài khơi khi chưa được Cảng vụ chấp thuận.

2. Các doanh nghiệp quản lý, khai thác Bến phao SPM và khu neo đậu chuyển tải ngoài khơi phải tổ chức thực hiện cảnh giới 24/24 giờ tại vùng an toàn theo quy định để đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

Điều 12. Yêu cầu đối với tàu thuyền neo đậu

1. Tất cả các tàu thuyền khi cập cầu phải thiết lập lối đi lại, lên, xuống tàu đảm bảo an toàn, trang bị đầy đủ lưới bảo vệ, lan can tay vịn, đèn chiếu sáng, phao tròn cứu sinh, biển ghi thông tin về tải trọng an toàn.

2. Các phương tiện thủy nội địa neo chờ để xếp dỡ hàng hóa trong vùng nước cảng biển phải neo đậu tại vị trí theo chỉ định và hướng dẫn của Cảng vụ.

3. Các tàu khi neo đậu nếu động cơ chính không bảo đảm sẵn sàng hoạt động theo yêu cầu, phải có tàu lai thường trực hỗ trợ điều động khi cần thiết.

4. Khi nhận được tin dự báo thời tiết xấu (*bão, áp thấp nhiệt đới...*) ảnh hưởng trực tiếp tới khu vực cảng biển Thanh Hóa, Cảng vụ yêu cầu các tàu thuyền ở trong cảng thay đổi vị trí như sau:

a) Phương tiện thủy nội địa *(trừ phương tiện mang cấp đăng kiểm VR-SB)* tự chọn vị trí neo tránh, trú bão theo quy định của cấp có thẩm quyền;

b) Tàu biển và phương tiện thủy nội địa mang cấp đăng kiểm VR-SB neo, đậu tại vị trí theo chỉ định của Cảng vụ.

Điều 13. Cập cầu, cập mạn tàu thuyền

1. Tàu thuyền cập cầu, cập mạn tàu thuyền khác phải được Cảng vụ chấp thuận tại kế hoạch điều động.

2. Việc cập mạn tàu thuyền thực hiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; khoản 29 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Hoạt động cập cầu của tàu thuyền tại cảng biển phải tuân thủ các quy định tại Điều 62, 67 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; khoản 26, 28 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP.

4. Đối với khu vực chuyển tải chỉ được phép cập mạn hàng hai, không quá một tàu về mỗi bên mạn của tàu được cập. Trường hợp chiều dài của tàu được cập đủ điều kiện tiếp nhận nhiều tàu cập mạn theo chiều dọc, Giám đốc Cảng vụ xem xét cho phép các tàu cập mạn theo hàng dọc bảo đảm an toàn.

Điều 14. Hoạt động của tàu thuyền vận chuyển hành khách, du thuyền

1. Hoạt động của tàu thuyền vận chuyển hành khách

Thực hiện theo quy định tại Điều 110 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Hoạt động của du thuyền

Hoạt động của du thuyền, thuyền viên làm việc trên du thuyền và bến neo đậu du thuyền thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 15. Hoạt động xây dựng, thi công kết cấu hạ tầng cảng biển và các công trình trong vùng nước cảng biển

1. Trước khi hoạt động nạo vét, xây dựng, thi công các công trình bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước hoặc các công trình hàng hải khác trong vùng nước cảng biển và vùng biển tỉnh Thanh Hóa, chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; khoản 3, 4 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP; Điều 26, 27 Nghị

định số 14/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Phương tiện tham gia vận chuyển đổ bùn đất, chất nạo vét trong thi công nạo vét luồng, vùng nước trước cầu cảng phải lắp đặt hệ thống giám sát nạo vét theo quy định tại Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

3. Trước khi tiến hành thi công, thuyền trưởng hoặc người chỉ huy tàu thuyền thi công phải xin phép Cảng vụ theo trình tự thủ tục được quy định tại Điều 8 của Nội quy này.

4. Trước khi thực hiện hoạt động lặn hoặc các công việc ngầm dưới nước trong vùng nước cảng biển, thuyền trưởng hoặc người chỉ huy tàu thuyền tham gia thi công phải thực hiện trình tự thủ tục được quy định tại Điều 8 của Nội quy này.

5. Đối với các công trình ngầm, công trình vượt qua luồng hàng hải hoặc các công trình có ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải như cầu, đường dây điện, cáp treo, các công trình ngầm, phong điện hoặc các công trình tương tự khác phải được thiết lập báo hiệu hàng hải và được cơ quan có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải theo quy định.

Mục 4
DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI

Điều 16. Yêu cầu đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải

Dịch vụ hoa tiêu hàng hải trong vùng nước cảng biển Thanh Hóa thực hiện theo quy định tại Điều 251, 252, 253, 254 Bộ luật Hàng hải Việt Nam; Mục 6, Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 17. Lập kế hoạch, thông báo, xác báo kế hoạch dẫn tàu

1. Việc lập kế hoạch, thông báo, xác báo kế hoạch dẫn tàu và triển khai thực hiện kế hoạch điều động tàu thuyền hằng ngày của Cảng vụ thực hiện theo quy định tại Điều 103 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Hằng ngày, các tổ chức hoa tiêu hoạt động trong vùng nước cảng biển có trách nhiệm trao đổi thông tin và phối hợp lập kế hoạch dẫn tàu phù hợp, đảm bảo dẫn tàu hành trình an toàn trên tuyến dẫn tàu được giao.

3. Tổ chức hoa tiêu hàng hải có trách nhiệm thông báo kịp thời đến hoa tiêu được phân công dẫn tàu về Kế hoạch điều động tàu thuyền hằng ngày của Cảng vụ và những thay đổi *(nếu có)*.

Điều 18. Yêu cầu khi đón, trả hoa tiêu

Tàu thuyền khi đến gần tàu hoa tiêu để đón hoặc trả hoa tiêu phải giảm tốc độ đến mức thấp nhất đủ để ăn lái,

giữ liên lạc với tàu hoa tiêu trên kênh VHF được chỉ định và bố trí thang hoa tiêu theo quy định ở mạn dưới gió hoặc theo yêu cầu của hoa tiêu dẫn tàu để hoa tiêu lên, rời tàu an toàn. Thang hoa tiêu phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định, được chiếu sáng vào ban đêm, bố trí người trực và trang thiết bị cứu sinh theo quy định.

Điều 19. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu

1. Hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Điều 251, 253 Bộ luật Hàng hải Việt Nam; Điều 104, 105 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định có liên quan khác của pháp luật.

2. Hoa tiêu dẫn tàu có trách nhiệm thông báo kịp thời cho VTS Nghi Sơn các thông tin sau:

a) Thời điểm lên hoặc rời tàu.

b) Tình hình dẫn tàu, những thay đổi có tính chất nguy hiểm, ảnh hưởng đến an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong vùng nước cảng biển và những tai nạn, sự cố hàng hải xảy ra với tàu do mình dẫn hoặc phát hiện được trong quá trình dẫn tàu.

3. Trường hợp tàu mình đang dẫn xảy ra tai nạn, sự cố hàng hải hoặc vi phạm các quy định của pháp luật, hoa tiêu phải thông báo ngay cho Cảng vụ biết và chậm nhất 24 giờ sau khi trở lại bờ phải gửi báo cáo bằng văn

bản cho Cảng vụ. Nội dung báo cáo phải nêu rõ: tên hoa tiêu, tên tàu, diễn biến và biện pháp khắc phục hậu quả đã được tiến hành, kết quả thực hiện các biện pháp đó và kiến nghị *(nếu có).*

Điều 20. Trách nhiệm, nghĩa vụ của thuyền trưởng khi tự dẫn tàu

Trong trường hợp được phép tự dẫn tàu theo quy định tại điểm d, khoản 3, Điều 247 của Bộ luật hàng hải Việt Nam; khoản 2 Điều 104 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, trước khi điều động tàu thuyền trong vùng hoa tiêu bắt buộc, thuyền trưởng phải báo cáo cho Cảng vụ biết về việc tự dẫn tàu thuyền và phải xuất trình Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải, Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải đã được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

Điều 21. Trách nhiệm phối hợp giữa hoa tiêu, thuyền trưởng, tàu lai dắt hỗ trợ và doanh nghiệp cảng

Trước khi điều động, dẫn tàu vào, rời cầu cảng, bến phao thuyền trưởng hoặc hoa tiêu phải liên lạc với thuyền trưởng tàu lai dắt *(đối với tàu sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ)* và doanh nghiệp cảng để kiểm tra tính sẵn sàng của tàu lai dắt, cầu cảng, bến phao. Trong trường hợp tàu lai dắt, cầu cảng, bến phao, công nhân buộc cởi dây chưa sẵn sàng, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu dẫn tàu phải thông báo ngay cho VTS Nghi Sơn hoặc Trực ban Cảng vụ để có biện pháp xử lý kịp thời.

Mục 5
LAI DẮT HỖ TRỢ TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN

Điều 22. Sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ

Việc sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ trong vùng nước cảng biển theo quy định tại Điều 64 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, khoản 27 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

1. Trong điều kiện hàng hải bình thường, tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80m trở lên khi điều động cập, rời cầu cảng, bến phao; cập mạn tàu thuyền khác; di chuyển vị trí, quay trở trong phạm vi vùng nước trước bến cảng, vùng nước bến phao, khu chuyển tải phải sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ theo quy định sau:

a) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80m đến 115m phải có một tàu lai hỗ trợ có công suất máy chính tối thiểu 500 HP.

b) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 115m đến 145 m phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ, có tổng công suất máy chính tối thiểu là 1.500 HP, trong đó một tàu lai có công suất máy chính tối thiểu là 1.000 HP.

c) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất trên 145m đến 175 m phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ, có tổng công suất máy

chính tối thiểu là 2.500 HP, trong đó một tàu lai có công suất máy chính tối thiểu là 1.500 HP.

d) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất trên 175m đến 185m phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 4.000 HP, trong đó một tàu lai có công suất máy chính tối thiểu là 2.000 HP.

đ) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất trên 185m đến 200 m phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 5.500 HP, trong đó một tàu lai có công suất máy chính tối thiểu là 3.000 HP.

e) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất trên 200m đến 220m phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 6.500 HP, trong đó một tàu lai có công suất máy chính tối thiểu là 3.000 HP.

f) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất trên 220m đến 240m phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 7.000 HP, trong đó một tàu lai có công suất máy chính tối thiểu là 4.000 HP.

g) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất trên 240m phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính 7.500 HP, trong đó một tàu lai có công suất máy chính tối thiểu là 4.000 HP.

h) Xà lan tự hành, khi cập và rời cầu cảng, phải có một tàu lai hỗ trợ có công suất tối thiểu là 500 HP. Xà lan không tự hành, ngoài tàu lai dùng để kéo xà lan còn phải có

thêm một tàu lai hỗ trợ có công suất máy chính tối thiểu là 500 HP.

2. Sử dụng tàu lai đối với bến cảng, bến phao tiếp nhận tàu thuyền chở chất nổ, xăng, dầu, khí hóa lỏng, hóa chất độc hại.

2.1. Đối với Bến cảng tiếp nhận tàu thuyền chở chất nổ, xăng, dầu, khí hóa lỏng, hóa chất độc hại.

a) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80m đến 115m phải có một tàu lai hỗ trợ có công suất máy chính tối thiểu 1.000 HP.

b) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 115m đến 145m phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính 3.000 HP, trong đó một tàu lai có công suất máy chính tối thiểu là 1.500 HP.

c) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 145m đến 175 m phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính 4.100 HP, trong đó một tàu lai có công suất máy chính tối thiểu là 1.500 HP.

d) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 175m trở lên phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính 5.200 HP, trong đó một tàu lai có công suất máy chính tối thiểu là 2.600 HP.

2.2. Đối với bến phao SPM của Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn

a) Đối với các tàu chở dầu thô cỡ lớn *(VLCC)* chiều dài lớn nhất đến 350m cập phao SPM phải sử dụng ít nhất hai tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính 5.600 HP, trong đó một tàu có công suất máy chính tối thiểu là 4.000 HP và một tàu có công suất máy chính tối thiểu 1.600 HP.

b) Đối với các tàu VLCC chiều dài lớn nhất đến 350m rời phao SPM phải sử dụng ít nhất một tàu lai hỗ trợ có tổng công suất tối thiểu 4.000 HP.

3. Sử dụng tàu lai theo quy định tại Nội quy cảng biển Thanh Hóa phải đảm bảo tổng công suất tàu lai không nhỏ hơn 10% giá trị tổng trọng tải tàu được lai *(trừ quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều này).*

4. Tàu thuyền có chiều dài đến 115m khi di chuyển dọc một cầu cảng bằng tời kéo dây của tàu không bắt buộc phải sử dụng tàu lai dắt nhưng phải bảo đảm an toàn. Trường hợp xét thấy cần thiết, các tàu thuyền này cũng có thể yêu cầu tàu lai hỗ trợ.

5. Trong một số điều kiện đặc biệt, Giám đốc Cảng vụ xem xét, quyết định cụ thể số lượng, công suất, tính năng tàu lai dắt hỗ trợ tàu thuyền trên cơ sở đề nghị của thuyền trưởng.

Điều 23. Tăng, miễn, giảm tàu lai dắt hỗ trợ

1. Trong trường hợp đặc biệt hoặc khi điều kiện hành hải không bình thường, trên cơ sở đánh giá điều kiện

thực tế tại khu vực và ý kiến của thuyền trưởng, tổ chức hoa tiêu hàng hải, Giám đốc Cảng vụ quyết định tăng số lượng, công suất tàu lai hỗ trợ tàu thuyền cập cầu, rời cầu nhằm bảo đảm an toàn hàng hải, cụ thể như sau:

a) Tàu thuyền chở hàng siêu trường, siêu trọng, tàu biển có hệ số béo và chiều cao mạn khô lớn *(tỷ số chiều cao mạn khô/mớn nước lớn hơn 1).*

b) Độ cao thủy triều thay đổi từ 40cm trở lên;

c) Gió từ cấp 6 *(theo thang sức gió beaufort)* trở lên;

d) Tàu thuyền phải quay trở tại khu vực có đường kính quay trở hẹp;

e) Tàu thuyền mất khả năng điều động;

f) Các trường hợp cần thiết khác nhằm đảm bảo an toàn cho tàu.

2. Giám đốc Cảng vụ xem xét giảm số lượng, công suất tàu lai trên cơ sở tính năng của thiết bị hỗ trợ, kiến nghị của thuyền trưởng, tổ chức hoa tiêu hàng hải và các điều kiện thực tế khác, các trường hợp cụ thể như sau:

a) Đối với tàu thuyền cập, rời cầu mà có thiết bị hỗ trợ điều động, trong điều kiện khí tượng thủy văn ở trạng thái bình thường (*gió từ cấp 5 trở xuống theo thang sức gió beaufort*), tàu không bị hạn chế bởi mớn nước hoặc chiều cao mạn đặc biệt, những tàu phải sử dụng từ hai tàu lai trở lên có công suất khác nhau thì được miễn giảm một tàu lai có công suất nhỏ nhất với điều kiện tàu đó có

trang bị chân vịt mũi với công suất tương đương công suất máy của tàu lai nhỏ nhất và hoạt động bình thường theo thiết kế.

b) Sử dụng tàu lai được trang bị hai chân vịt biến bước và hai bánh lái hoặc chân vịt Azimuth.

3. Căn cứ điều kiện thực tế, trong điều kiện khí tượng thủy văn ở trạng thái bình thường (*gió từ cấp 5 trở xuống theo thang sức gió Beaufort*), Giám đốc Cảng vụ quyết định miễn sử dụng tàu lai đối với phương tiện vận chuyển container có chân vịt mũi.

Điều 24. Trách nhiệm của thuyền trưởng, hoa tiêu tàu được lai dắt hoặc người chỉ huy đoàn lai dắt và thuyền trưởng tàu lai

1. Trách nhiệm của thuyền trưởng thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn hàng hải theo khoản 2 Điều 104 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trách nhiệm của hoa tiêu dẫn tàu thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn hàng hải theo khoản 1 Điều 104 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Quyền chỉ huy lai dắt tàu biển và hoạt động của đoàn lai dắt thực hiện theo quy định tại Điều 259 Bộ luật hàng hải Việt Nam và các quy định pháp luật hàng hải liên quan khác.

Mục 6
AN TOÀN HÀNG HẢI

Điều 25. Yêu cầu chung về Bảo đảm an toàn hàng hải

Tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn hàng hải theo các Điều 106, 108 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 26. Phương án bảo đảm an toàn hàng hải

Ngoài các trường hợp phải xây dựng, thực hiện Phương án bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; khoản 4 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP; Điều 27 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thông báo cho Cảng vụ bằng văn bản.

Điều 27. Phân luồng giao thông trong vùng nước cảng biển

Tàu thuyền hành trình trên hệ thống phân luồng hàng hải thuộc vùng nước cảng biển Thanh Hóa phải tuân thủ quy định tại Điều 10 Thông tư số 19/2013/TT-BGTVT ngày 06/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định việc áp dụng Quy tắc quốc tế về phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển; các văn bản của cấp thẩm quyền liên quan đến công bố, hướng dẫn an toàn của hoạt động

tàu thuyền trên hệ thống phân luồng và theo sự chỉ dẫn, khuyến cáo an toàn của Điều hành viên VTS Nghi Sơn.

Điều 28. Phòng chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng biển Thanh Hóa có trách nhiệm chấp hành các quy định của của pháp luật về phòng, chống thiên tai trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy nội địa và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng biển Thanh Hóa khi có tin bão, áp thấp nhiệt đới dự kiến ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực thực hiện:

a) Tổ chức lực lượng thường trực 24h/24h để theo dõi chặt chẽ diễn biến của bão, áp thấp nhiệt đới và triển khai ngay các kế hoạch, biện pháp cần thiết phòng chống, bảo vệ phương tiện, cầu bến, kho xưởng, hàng hóa, trụ sở;

b) Duy trì công tác phối hợp hoạt động giữa các doanh nghiệp; phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa, Cảng vụ và các đơn vị khác trong khu vực. Các doanh nghiệp có lực lượng, phương tiện phù hợp sẵn sàng thực hiện Lệnh điều động phối hợp tìm kiếm cứu nạn khi có yêu cầu của Cảng vụ;

c) Các doanh nghiệp có liên quan trong lĩnh vực hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ tổng kết công tác phòng, chống thiên tai và xây dựng phương án ứng phó

thiên tai gửi Cảng vụ để báo cáo Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam trước ngày 15 tháng 01 hằng năm.

3. Tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng biển Thanh Hóa có trách nhiệm chấp hành quy định tại Điều 107 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; khoản 39 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP, Quy chế phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển ban hành kèm theo Quyết định số 06/2014/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, quy định pháp luật khác có liên quan và quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

4. Chấp hành yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ về phối hợp tham gia tìm kiếm cứu nạn trong vùng nước cảng biển.

5. Nghiêm cấm việc mọi hành vi sử dụng các trang thiết bị thông tin liên lạc trên tàu hoặc các trang thiết bị, vật dụng khác để phát tín hiệu cấp cứu không đúng tình trạng thực tế của tàu. Trường hợp do sơ suất trong khi sử dụng các trang thiết bị phát tín hiệu cấp cứu như phao EPIRB, MF/HF, VHF..., thuyền trưởng phải thông báo ngay cho Cảng vụ và kịp thời áp dụng biện pháp phù hợp để thông báo hủy bỏ các tín hiệu cấp cứu đã phát.

Điều 29. Xử lý tai nạn hàng hải và sự cố hàng hải

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng biển Thanh Hóa phải có trách nhiệm thực hiện quy định về xử lý tai nạn hàng hải theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hàng

hải Việt Nam; Điều 70 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố hàng hải, thuyền trưởng có trách nhiệm:

a) Tìm mọi cách bảo đảm an toàn cho người, phương tiện và tổ chức ngay việc tìm kiếm, cứu nạn theo quy định;

b) Thông báo ngay cho Cảng vụ qua VHF trên kênh 16 hoặc các phương tiện thông tin liên lạc khác, đồng thời phải tiến hành ngay các biện pháp để giảm đến mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra và hỗ trợ tàu bị nạn nếu hành động hỗ trợ đó không ảnh hưởng đến an toàn của tàu mình và tàu thuyền khác.

Điều 30. Phòng, chống cháy, nổ

1. Thuyền trưởng, doanh nghiệp và cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện các quy định về phòng, chống cháy, nổ tại cảng biển theo Điều 113 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Khi xảy ra sự cố cháy nổ, thuyền trưởng, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện việc ứng cứu kịp thời và thông báo ngay cho Cảng vụ biết để phối hợp xử lý theo quy định.

3. Tàu chở xăng dầu, khí hóa lỏng, chất nổ, hóa chất độc hại khi neo đậu tại vùng nước cảng biển phải cảnh báo cho các tàu thuyền neo đậu xung quanh biết;

tăng cường cảnh giới và sẵn sàng điều động tàu ra vị trí an toàn khi có yêu cầu.

Mục 7
AN NINH HÀNG HẢI, LAO ĐỘNG HÀNG HẢI

Điều 31. Bảo đảm an ninh hàng hải

Thuyền trưởng tàu thuyền phải thực hiện các quy định tại Điều 106, 107 Bộ luật Hàng hải Việt Nam, quy định của Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển *(ISPS Code),* quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 32. Lao động hàng hải

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng biển và vùng nước cảng biển phải chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam về lao động hàng hải và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và quy định pháp luật có liên quan khác.

2. Tàu thuyền thuộc đối tượng áp dụng của Công ước lao động hàng hải *(MLC 2006)* phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Công ước này và quy định pháp luật có liên quan khác.

3. Khi xảy ra tai nạn lao động hàng hải trong vùng nước cảng biển, chủ tàu hoặc thuyền trưởng có trách nhiệm thực hiện việc khai báo, điều tra, thống kê và báo cáo tai nạn lao động hàng hải theo quy định tại Thông tư

số 37/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (*nay là Bộ Nội vụ*); đồng thời thực hiện các quy định có liên quan tại Thông tư số 01/2020/TT-BGTVT, Thông tư số 34/2020/TT-BGTVT và các quy định pháp luật khác có liên quan; kịp thời báo cáo Cảng vụ Hàng hải để phối hợp xử lý theo quy định.

Mục 8
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 33. Bảo vệ môi trường tại cảng biển

Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định tại Mục 2 Chương V Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 34. Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường từ hoạt động tàu thuyền

1. Tất cả các tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có nghĩa vụ thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

2. Tàu thuyền neo đậu trong vùng nước cảng biển không được bơm xả các loại nước bẩn, cặn bẩn, chất thải, dầu hoặc hợp chất dầu và các loại chất độc hại khác; không được vứt, đổ rác hoặc các đồ vật khác từ tàu xuống nước hoặc cầu cảng.

Điều 35. Quản lý nước dằn tàu, thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền

Tàu thuyền Việt Nam và tàu thuyền nước ngoài, các cơ quan và tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển thực hiện theo đúng quy định tại Điều 117 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14/11/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về Quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 34/2020/TT-BGTVT ngày 23/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 36. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

1. Thuyền trưởng, doanh nghiệp và cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại cảng biển tại các Điều 118, 119 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Thuyền trưởng, doanh nghiệp liên quan phải thực hiện ngay việc ứng phó sự cố môi trường theo yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Trong trường hợp xảy ra sự cố liên quan đến tràn dầu, các tàu thuyền neo đậu tại khu vực lân cận phải di chuyển theo hướng dẫn, điều tiết của Cảng vụ và thực hiện các quy định theo Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 23/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

Mục 9
TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI

Điều 37. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải phải tuân thủ các quy định tại Chương XI Bộ luật Hàng hải Việt Nam hiện hành; các Điều 101, 102, 104 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Cung cấp và đáp ứng đầy đủ nhu cầu dịch vụ hoa tiêu hàng hải trong vùng hoa tiêu bắt buộc hoặc tuyến dẫn tàu được giao, bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Lập kế hoạch dẫn tàu hằng ngày, thông báo với Cảng vụ để thống nhất thực hiện; trường hợp có thay đổi phải kịp thời thông báo và nêu rõ lý do.

4. Phối hợp với tổ chức bảo đảm an toàn hàng hải, doanh nghiệp cảng, đại lý tàu và các cơ quan, tổ chức liên quan tại khu vực để tổ chức cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải an toàn, hiệu quả.

5. Quản lý hoạt động của hoa tiêu bảo đảm đáp ứng kịp thời yêu cầu cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải và sự mẫn cán của hoa tiêu trong khi thực hiện nhiệm vụ.

6. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng, bến phao, doanh nghiệp hoạt động bốc xếp tại các khu vực neo đậu, chuyển tải

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp khai thác cảng biển, bến phao được quy định cụ thể như sau:

a) Doanh nghiệp khai thác cảng biển, bến phao có trách nhiệm thực hiện quy định tại các Điều 22, 37, 67, 113 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; khoản 11, 28, 41 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP, các quy định về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển và an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, an ninh trật tự;

b) Gửi Kế hoạch điều động tàu vào, rời cảng cho Cảng vụ.

c) Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về bảo trì, bảo vệ công trình hàng hải;

d) Không được để các cần cẩu bờ gây trở ngại, gây nguy hiểm cho việc điều động tàu vào, rời cầu cảng. Trường hợp do nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng mà cần cẩu phải vươn ra ngoài cầu cảng, ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải của các tàu thuyền lân cận, doanh nghiệp cảng biển phải thông báo cho Cảng vụ biết và phải có biện pháp thích hợp nhằm bảo đảm an toàn theo quy định;

đ) Giữ gìn vệ sinh khu vực cầu, bến cảng, không để hàng hóa rơi vãi, bụi bẩn, gây ô nhiễm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh;

e) Có các biện pháp hữu hiệu phòng ngừa cháy, nổ và chữa cháy hiệu quả khi xảy ra trong khu vực cảng và hỗ trợ tàu thuyền khi cần;

g) Phối hợp chặt chẽ với thuyền trưởng, chủ hàng hoặc người vận chuyển để đảm bảo việc xếp dỡ hàng hóa được tuân thủ theo các quy định của pháp luật, duy trì sự ổn định của tàu, an toàn cho thuyền viên làm việc trên tàu;

h) Tuân thủ quy định về quản lý tiếp nhận và xử lý chất thải phát sinh từ tàu thuyền tại các cảng biển Việt Nam;

i) Trường hợp hàng hóa tồn đọng lâu ngày tại cảng, có nguy cơ gây cháy, nổ hoặc gây ô nhiễm môi trường, phải thông báo cho Cảng vụ và các cơ quan có liên quan biết để kịp thời xử lý;

k) Trường hợp tàu biển cập, rời cầu cảng nếu xét thấy ảnh hưởng đến các tàu thuyền đang neo buộc, cập

mạn tại cầu cảng lân cận thì phải thông báo cho thuyền trưởng các tàu thuyền đó biết để bổ sung biện pháp bảo đảm an toàn;

l) Định kỳ hằng năm hoặc khi có thay đổi liên quan đến an ninh cảng biển thay đổi về sỹ quan an ninh cảng biển; về đánh giá an ninh cảng biển và về kế hoạch an ninh cảng biển, doanh nghiệp cảng biển phải thông báo bằng văn bản cho Cảng vụ.

2. Doanh nghiệp hoạt động xếp, dỡ tại các khu vực neo đậu, chuyển tải có trách nhiệm tuân thủ các quy định của cơ quan có thẩm quyền về an toàn, vệ sinh lao động và các yêu cầu sau:

a) Trang bị đầy đủ trang, thiết bị bảo hộ lao động, hướng dẫn về các biện pháp bảo đảm an toàn vệ sinh lao động cho người lao động phù hợp với điều kiện làm việc trên tàu biển, phù hợp với tính chất lý hóa của từng loại hàng hóa xếp/dỡ. Bố trí công nhân làm việc có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp;

b) Có biện pháp quản lý, giám sát người lao động để đảm bảo người lao động tuân thủ những quy định về vệ sinh, an toàn lao động. Phối hợp với thuyền viên trên tàu và Cảng vụ để đảm bảo an toàn trong hoạt động xếp, dỡ hàng hóa, bảo đảm an ninh trật tự trên tàu thuyền và bảo vệ môi trường biển;

c) Tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan để đảm bảo tình trạng an toàn kỹ thuật của các phương tiện, thiết bị tham gia hoạt động xếp, dỡ hàng hóa;

d) Tuân thủ quy định về thủ tục tàu thuyền vào, rời cảng biển đối với các phương tiện tham gia hoạt động xếp, dỡ hàng hóa trong vùng nước cảng biển. Ngoài ra, cung cấp cho Cảng vụ số điện thoại của cán bộ quản lý điều hành hoạt động xếp, dỡ hàng hóa trên từng tàu để phối hợp quản lý, giám sát.

Điều 39. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển

1. Tuân thủ quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trước khi tàu đến cảng, cung cấp cho Cảng vụ thư chỉ định hoặc văn bản ủy thác hoặc hợp đồng làm đại lý.

3. Trước khi tàu đến cảng, cung cấp Nội quy cảng biển; đặc điểm, thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, cảng/bến phao, khu nước, vùng nước; các văn bản chỉ đạo, điều hành của Cảng vụ để thuyền trưởng, chủ tàu chấp hành.

4. Chủ động liên hệ với Cảng vụ và cơ quan chức năng để được cung cấp các thông tin liên quan về điều kiện hàng hải, khí tượng thủy văn, tính chất đáy biển tại vùng nước cảng biển và các khuyến cáo cần thiết khác về an toàn để kịp thời thông báo cho thuyền trưởng.

5. Khi thay đổi hoặc bổ sung nhân viên đại lý tàu biển, phải thông báo bằng văn bản cho Cảng vụ và các cơ quan quản lý nhà nước khác tại cảng biết.

6. Thực hiện cung cấp thông tin kịp thời theo yêu cầu của Cảng vụ.

Điều 40. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển phải tuân thủ quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển

1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển phải tuân thủ quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Tàu lai thực hiện dịch vụ lai dắt hỗ trợ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật và bố trí thuyền viên theo quy định.

3. Trước ngày mùng 5 hằng tháng gửi thống kê lượt tàu lai phục vụ trong vùng nước cảng biển của tháng trước đó cho Cảng vụ để làm căn cứ thu phí, lệ phí hàng hải theo quy định.

4. Kịp thời gửi kế hoạch tàu lai hỗ trợ cho Cảng vụ nội dung thông báo gồm: tên tàu lai; công suất; tên tàu được lai; thời gian dự kiến lai dắt hỗ trợ thực hiện.

5. Tàu lai phải sẵn sàng trước khi tàu được lai dắt, hỗ trợ dự kiến cập, rời cầu, bến phao; cập, rời mạn tàu.

Điều 42. Trách nhiệm của doanh nghiệp đóng mới, sửa chữa, phá dỡ, hoán cải tàu thuyền

Các doanh nghiệp đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển thực hiện theo Điều 45 của Bộ Luật hàng hải Việt Nam 2015 và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động thu gom chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

Doanh nghiệp cảng hoặc doanh nghiệp hoạt động thu gom chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam và pháp luật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải và công bố thông báo hàng hải

Hoạt động quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải và công bố Thông báo hàng hải thực hiện theo quy định tại Chương II, Chương III Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP; Nghị

định số 14/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng hải khác

1. Các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng hải khác phải tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, phòng chống cháy nổ và quy định pháp luật khác có liên quan để thực hiện.

2. Chỉ được phép kinh doanh các ngành nghề đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép và phải thông báo cho Cảng vụ biết khi hoạt động tại khu vực quản lý của Cảng vụ.

3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại cảng biển thuộc diện kê khai giá quy định tại Thông tư số 31/2024/TT-BGTVT; Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam phải thực hiện kê khai giá theo quy định và gửi văn bản kê khai giá lần đầu *(bổ sung nếu có)* đến Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa theo quy định của Luật giá số 16/2023/QH15; Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Mục 10
CÔNG TÁC PHỐI HỢP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI

Điều 46. Phối hợp hoạt động giữa các Cảng vụ Hàng hải

1. Cảng vụ phải chủ động phối hợp với các Cảng vụ khác có liên quan để giải quyết các vụ việc, tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của mình, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế.

2. Trường hợp phát sinh các tình huống vượt quá thẩm quyền của Cảng vụ phải báo cáo ngay Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam để được hướng dẫn thực hiện.

Điều 47. Phối hợp giữa Cảng vụ Hàng hải với các cơ quan quản lý nhà nước khác

Cảng vụ có trách nhiệm tổ chức phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển, bao gồm:

1. Chủ trì, điều hành việc phối hợp hoạt động quản lý giữa các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển;

2. Tổ chức và chủ trì các hội nghị, cuộc họp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành hoặc với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan khác tại khu vực

cảng biển để trao đổi thống nhất việc giải quyết những vướng mắc phát sinh trong hoạt động hàng hải tại vùng nước cảng biển mình phụ trách;

3. Yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển thông báo kịp thời kết quả làm thủ tục; yêu cầu doanh nghiệp cảng, chủ tàu, thuyền trưởng của tàu thuyền và các cơ quan, tổ chức liên quan khác cung cấp số liệu, thông tin về hoạt động hàng hải tại cảng biển.

Mục 11
CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN KHÁC

Điều 48. Hoạt động thể thao, diễn tập tìm kiếm cứu nạn, hoạt động diễn tập quân sự

Việc tổ chức các hoạt động thể thao, diễn tập tìm kiếm cứu nạn và an ninh hàng hải và các hoạt động tương tự khác trong vùng nước cảng biển phải thực hiện theo quy định tại Điều 109 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Điều 26 của Nội quy này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 49. Kiểm dịch y tế, kiểm dịch thực vật, kiểm dịch động vật, phòng chống dịch bệnh

Thuyền trưởng tàu thuyền có trách nhiệm:

1. Thông báo cho cơ quan y tế có thẩm quyền biết về tình trạng bất thường đối với sức khỏe của thuyền viên, hành khách và các yếu tố liên quan đến sức khỏe cộng đồng;

2. Thông báo cho các cơ quan Kiểm dịch thực vật, động vật về những hàng hóa nông, lâm sản, thực phẩm, gia súc nhập khẩu phải tiến hành kiểm dịch theo quy định;

3. Thông báo cho Cảng vụ trước khi tiến hành khử trùng, hun chuột;

4. Trong trường hợp tàu thuyền cần tiến hành xử lý y tế, cách ly giám sát dịch bệnh, khử trùng phải thông báo cho Cảng vụ và chỉ được tiến hành tại vị trí chỉ định trên cơ sở ý kiến của các cơ quan chuyên môn; việc thực hiện phải đảm bảo theo đúng quy định.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 50. Trách nhiệm thực hiện

1. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài khi hoạt động tại cảng biển Thanh Hóa có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam gia nhập hoặc ký kết và Nội quy này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh với Cảng vụ để sửa đổi, bổ sung Nội quy này.

Điều 51. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng các phòng, đại diện thuộc Cảng vụ có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Nội quy này.

2. Giao Trưởng phòng Quản lý kết cấu hạ tầng tiếp nhận, tổng hợp ý kiến phản ánh của các tổ chức, cá nhân và tham mưu cho Giám đốc Cảng vụ giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Nội quy này.

Phụ lục I

THÔNG TIN CHUNG VỀ VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN, KHU VỰC HÀNG HẢI THUỘC ĐỊA PHẬN TỈNH THANH HÓA VÀ KHU VỰC QUẢN LÝ CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI THANH HÓA

(Kèm theo Nội quy cảng biển Thanh Hóa năm 2026)

A. DANH MỤC BẾN CẢNG

TT	Tên bến cảng, bến phao	Đơn vị quản lý	Chiều dài bến/cầu	Tiếp nhận tàu (DWT)	Độ sâu* (m)	
					Trước bến	Vũng quay
I	**Khu vực Nghi Sơn**					
1	Bến cảng tổng hợp Nghi Sơn	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	- Cầu số 1: 165m	30.000 giảm tải	-9,5	-11,4
			- Cầu số 2: 225m	70.000 giảm tải	-12,0	
2	Bến cảng tổng hợp Nghi Sơn	Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Đại Dương	- Cầu 3: 225m (còn 32m chưa công bố)	70.000 giảm tải	-10,5	**-11,4**
			- Cầu 4: 225m	30.000 giảm tải	-8,8	
			- Cầu 5: 210m	60.000 giảm tải	-11,1	
3	Bến cảng tổng hợp Nghi Sơn	Công Ty CP Hóa chất Gama Thanh Hóa	- Cầu 6: 210m	30.000 đầy tải đến 70.000 giảm tải	-12,0	

TT	Tên bến cảng, bến phao	Đơn vị quản lý	Chiều dài bến/cầu	Tiếp nhận tàu (DWT)	Độ sâu* (m)	
					Trước bến	Vũng quay
4	Bến cảng tổng hợp Long Sơn	Công ty TNHH Công nghiệp Long Sơn	- Cầu 7: 250m	70.000 giảm tải	-14,5	
			- Cầu 8: 250m	70.000 giảm tải	-14,5	
			- Cầu 9: 170m (còn 80m chưa được công bố)	30.000 giảm tải	-15,0	
5	Bến cảng Quang Trung	Công ty TNHH Quang Trung	Cầu 11: 250m (công bố sử dụng 205m)	5.000 giảm tải	-6,6	-4,2
6	Bến cảng quốc tế Nghi Sơn	Công ty Cổ phần Tập đoàn VAS Nghi Sơn	- Cầu 1: 250m	70.000 giảm tải	-12,1	-9,5
			- Cầu 2: 250m	70.000 giảm tải	-12,0	
			- Cầu 2A: 148m	20.000	-9,2	
			- Cầu 3: 300m	70.000 giảm tải	-13	-11,0
			- Cầu 4: 300m	70.000 giảm tải	-13	
			- Cầu 5: 140m	15.000	-9,5	
7	Bến cảng Nhiệt điện Nghi Sơn 1	Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn	Cầu cảng nhập than: 130m	5.000	-6,4	-6,4
			Cầu cảng nhập dầu HFO: 130m	3.000	-6,4	

TT	Tên bến cảng, bến phao	Đơn vị quản lý	Chiều dài bến/cầu	Tiếp nhận tàu (DWT)	Độ sâu* (m)	
					Trước bến	Vũng quay
8	Bến cảng chuyên dùng Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 2	Công ty TNHH Điện Nghi Sơn 2	Bến cảng có chiều dài: 226m	18.000	-10,0	-10,0
9	Bến cảng thuộc Dự án Khu phát triển Gas&LNG và các loại hình phụ trợ lọc hóa dầu Nghi Sơn	Công ty CP Tập đoàn AnhPhatGroup	- Cầu 1: 350m	5.000	-8,0	-7,0
			- Cầu 2: 215m	7.000	-8,0	
10	Bến cảng Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Cầu 1A: 166m	15.000	-9,2	-12,0
			Cầu 1B: 192m	10.000	-9,2	
			Cầu 2A, 2B: 170m	12.825	-8,2; -8,5	
			Cầu 4A, 4B: 225m	40.000	-12,0	
			Phao nổi SPM	320.000	-25,5	
			Cầu cảng dịch vụ phục vụ vận hành cảng: 345m		-6,6	

TT	Tên bến cảng, bến phao	Đơn vị quản lý	Chiều dài bến/cầu	Tiếp nhận tàu (DWT)	Độ sâu* (m)	
					Trước bến	Vũng quay
11	Cảng chuyên dùng xi măng Nghi Sơn	Công ty xi măng Nghi Sơn	Cầu 1: 187m	37.000	-11,3	-8,0
			Cầu 1:….	5.300	-8,0	
II	**Khu vực Bến cảng Lệ Môn**					
1	Bến cảng Lệ Môn	Công ty CP cảng Thanh Hoá	Cầu 1: 115m	1.000	-4,0	
			Cầu 2: 150m	1.000	-4,0	
2	Cầu cảng kho xăng dầu Quảng Hưng	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hoá	Cầu 1: 39m	1.000	-0,3	

Lưu ý:

* Số liệu độ sâu trước bến tại Phụ lục này sử dụng tại thời điểm công bố, trong quá trình khai thác, có thể thay đổi. Thông số kỹ thuật thực tế đề nghị tham khảo Thông báo hàng hải định kỳ của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa tại website: ***https://cangvuhanghaithanhhoa.gov.vn***.

B. TUYẾN LUỒNG HÀNG HẢI TẠI CẢNG BIỂN THANH HÓA

TT	Tên luồng	Bề rộng (m)	Độ sâu (m)	Chiều dài (km)	Ghi chú
I	**Luồng hàng hải công cộng**				
1	**Luồng hàng hải Nghi Sơn - Thanh Hóa**	150	-11,6	7,314	R= 1.335m
2	**Luồng hàng hải Lệ Môn - Thanh Hóa**				
2.1	Đoạn luồng từ phao số 0 đến cặp phao số 3, số 4:	50	-0,3	22,2	
2.2	Đoạn luồng từ cặp phao số 3, số 4 đến cặp phao số 5, số 6:	50	-0,1		
2.3	Đoạn luồng từ cặp phao số 5, số 6 đến cặp phao số 7, số 8:	50	-1,6		
2.4	Đoạn luồng từ cặp phao số 7, số 8 đến phao số 9:	50	-4,5		
2.5	Đoạn luồng từ phao 9 đến Cảng Lệ Môn:	50	-3,9		
II	**Luồng hàng hải chuyên dùng**				
1	**Luồng hàng hải chuyên dùng vào Bến cảng Nhiệt điện Nghi Sơn 1 và Bến cảng Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 2, tỉnh Thanh Hóa**				

TT	Tên luồng	Bề rộng (m)	Độ sâu (m)	Chiều dài (km)	Ghi chú
1.1	Đoạn 1: Đoạn nối tiếp từ giữa cặp phao báo hiệu hàng hải "PE12" và "PN14" của luồng hàng hải Nghi Sơn vào đến Bến cảng Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 2 (hạ lưu phao ND3)	Từ 140 đến 160	-10,0	0,77	D = 240m
1.2	Đoạn 2: Từ vũng quay tàu Bến cảng Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 2 (thượng lưu phao ND3) đến vũng quay tàu Bến cảng Nhiệt điện Nghi Sơn 1	70	-7,1	0,59	D = 160m
2	**Luồng hàng hải chuyên dùng vào Bến cảng Xi măng Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa**	190	-12	4,8	
3	**Luồng tàu, vùng quay tàu và vùng nước trước cầu cảng thuộc Bến cảng Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn**				

TT	Tên luồng	Bề rộng (m)	Độ sâu (m)	Chiều dài (km)	Ghi chú
3.1	Đoạn luồng từ cặp phao NS1, NS2 đến cặp phao NS11, NS12:	150	-13	6,75	
3.1	Đoạn luồng từ cặp phao NS11, NS12 đến cặp phao NS19, NS20:	150	-12,4		
4	**Luồng chuyên dùng vào bến cảng thuộc Dự án ĐTXD khu phát triển GAS&LNG và các loại hình phụ trợ lọc hóa dầu Nghi Sơn**	65	-7,0	1,56	

C. BẢN VẼ VÀ GIỚI HẠN PHẠM VI VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN THANH HÓA

I. Vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa bao gồm 02 khu vực hàng hải:

1. Khu vực hàng hải Lệ Môn - Lạch Sung.

2. Khu vực hàng hải Nghi Sơn.

II. Phạm vi vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa

Vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa tính theo mực nước thủy triều lớn nhất bao gồm các khu vực sau:

a) Ranh giới về phía biển được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm LM1, LM2, LM3, LM4 và LM5, LM6, LM9, LM10, LM11, LM12 có các tọa độ sau đây:

LM1: 19°46’40,2”N, 105°55’44,6”E (điểm nhô ra xa nhất của cửa Lạch Trào - sông Mã về phía Nam);

LM2: 19°45’12,0”N, 106°00’00,0”E;

LM3: 19°45’12,3”N, 106°02’52,3”E;

LM4: 19°51’11,4”N, 106°02’54,7”E;

LM5: 19°52’24,8”N, 106°01’19,4”E;

LM6: 19°57’35,1”N, 106°01’24,2”E;

LM9: 19°56’29,4”N, 105°59’10,1”E;

LM10: 19°52’26,5”N, 105°57’23,9”E;

LM11: 19°49’57,6”N, 105°57’13,3”E;

LM12: 19°47’47,4”N; 105°56’07,2”E (điểm nhô ra xa nhất của cửa Lạch Trào - sông Mã về phía Bắc).

b) Ranh giới trên sông Mã: từ hai điểm LM1 và LM12, chạy dọc theo hai bờ sông đến đường thẳng cắt ngang sông, cách cầu Hoàng Long 200m về phía hạ lưu.

c) Ranh giới trên sông Lèn: từ các điểm LM6 và LM9 chạy dọc theo hai bờ sông đến các điểm LM7 và LM8 có tọa độ vị trí sau đây:

LM7: 19°57’47.4” N, 105°58’42.9” E;

LM8: 19°57’42.4” N, 105°58’42.5” E.

2. Khu vực Nghi Sơn với phạm vi:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm NS1, NS2, NS3, NS4, NS5, NS6, NS7, NS8 và NS9 có các tọa độ sau đây:

NS1: 19°25’36,4”N, 105°48’35,7”E;

NS2: 19°26’37,2”N, 105°51’57,6”E;

NS3: 19°26’31,9”N, 106°08’06,5”E;

NS4: 19°15’38,6”N, 106°08’05,3”E;

NS5: 19°15’38,3”N, 105°57’27,3”E;

NS6: 19°13’21,6”N, 105°57’26,6”E;

NS7: 19°13’21,6”N, 105°53’05,3”E;

NS8: 19°16’31,6”N, 105°50’24,3”E;

NS9: 19°17’16,6”N, 105°48’10,3”E.

b) Ranh giới về phía đất liền: từ điểm NS1 chạy dọc theo bờ biển xuống phía Nam đến điểm NS9.

3. Ranh giới vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa quy định tại Thông tư này được xác định trên các hải đồ do Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam phát hành, bao gồm: VN30004 và VN40013 được cập nhật mới nhất năm 2024. Tọa độ các điểm quy định tại Thông tư này được áp dụng theo Hệ tọa độ VN-2000 và được chuyển sang Hệ tọa độ WGS-84 tương ứng tại Phụ lục ban hành kèm theo.

D. BẢN VẼ VÀ GIỚI HẠN PHẠM VI VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN THANH HÓA

I. Vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa bao gồm 02 khu vực hàng hải

1. Khu vực hàng hải Lệ Môn - Lạch Sung.

2. Khu vực hàng hải Nghi Sơn.

II. Phạm vi vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa

Vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa tính theo mực nước thủy triều lớn nhất bao gồm các khu vực sau:

a) Ranh giới về phía biển được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm LM1, LM2, LM3, LM4 và LM5, LM6, LM9, LM10, LM11, LM12 có các tọa độ sau đây:

LM1: 19°46’40,2”N, 105°55’44,6”E (điểm nhô ra xa nhất của cửa Lạch Trào - sông Mã về phía Nam);

LM2: 19°45’12,0”N, 106°00’00,0”E;

LM3: 19°45’12,3”N, 106°02’52,3”E;

LM4: 19°51’11,4”N, 106°02’54,7”E;

LM5: 19°52’24,8”N, 106°01’19,4”E;

LM6: 19°57’35,1”N, 106°01’24,2”E;

LM9: 19°56’29,4”N, 105°59’10,1”E;

LM10: 19°52’26,5”N, 105°57’23,9”E;

LM11: 19°49’57,6”N, 105°57’13,3”E;

LM12: 19°47’47,4”N; 105°56’07,2”E (điểm nhô ra xa nhất của cửa Lạch Trào - sông Mã về phía Bắc).

b) Ranh giới trên sông Mã: từ hai điểm LM1 và LM12, chạy dọc theo hai bờ sông đến đường thẳng cắt ngang sông, cách cầu Hoàng Long 200m về phía hạ lưu.

c) Ranh giới trên sông Lèn: từ các điểm LM6 và LM9 chạy dọc theo hai bờ sông đến các điểm LM7 và LM8 có tọa độ vị trí sau đây:

LM7: 19°57’47.4” N, 105°58’42.9” E;

LM8: 19°57’42.4” N, 105°58’42.5” E.

2. Khu vực Nghi Sơn với phạm vi:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm NS1, NS2, NS3, NS4, NS5, NS6, NS7, NS8 và NS9 có các tọa độ sau đây:

NS1: 19°25’36,4”N, 105°48’35,7”E;

NS2: 19°26’37,2”N, 105°51’57,6”E;

NS3: 19°26’31,9”N, 106°08’06,5”E;

NS4: 19°15’38,6”N, 106°08’05,3”E;

NS5: 19°15’38,3”N, 105°57’27,3”E;

NS6: 19°13’21,6”N, 105°57’26,6”E;

NS7: 19°13’21,6”N, 105°53’05,3”E;

NS8: 19°16’31,6”N, 105°50’24,3”E;

NS9: 19°17’16,6”N, 105°48’10,3”E.

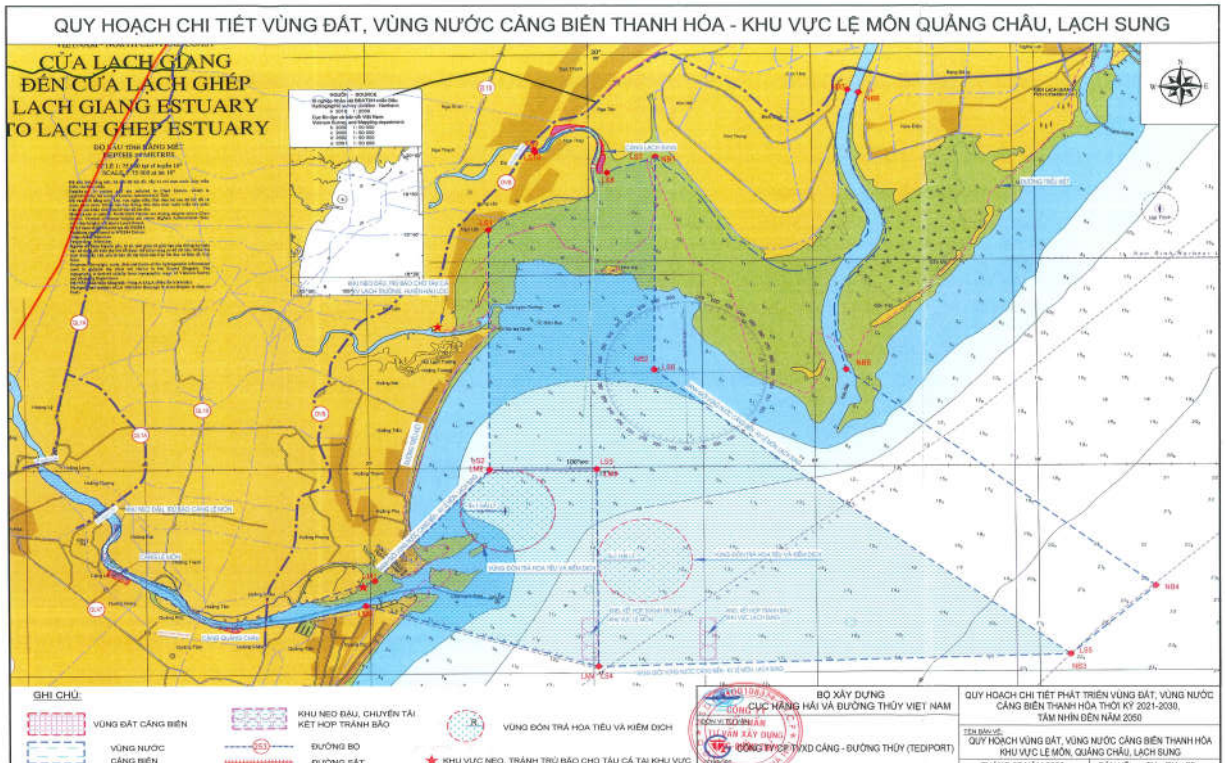
b) Ranh giới về phía đất liền: từ điểm NS1 chạy dọc theo bờ biển xuống phía Nam đến điểm NS9.

3. Ranh giới vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa quy định tại Thông tư này được xác định trên các hải đồ do Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam phát hành, bao gồm: VN30004 và VN40013 được cập nhật mới nhất năm 2024. Tọa độ các điểm quy định tại Thông tư này được áp dụng theo Hệ tọa độ VN-2000 và được chuyển sang Hệ tọa độ WGS-84 tương ứng tại Phụ lục ban hành kèm theo.

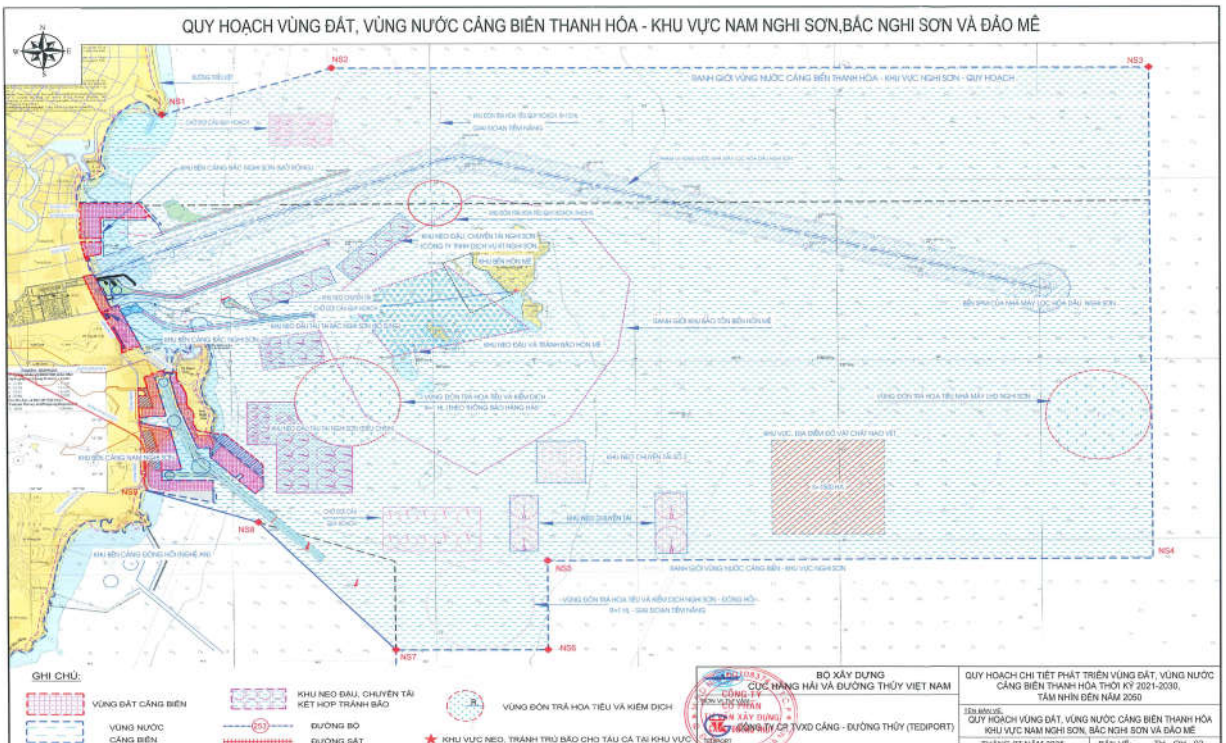
III. Bản vẽ vùng nước cảng biển Thanh Hóa

1. Khu vực Lệ Môn, Quảng Châu, Lạch Sung (Hình 1).

2. Khu vực Nam Nghi Sơn, Bắc Nghi Sơn và Đảo Mê (Hình 2).


QUY HOẠCH CHI TIẾT VÙNG ĐẤT, VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN THANH HÓA - KHU VỰC LỆ MÔN QUẢNG CHÂU, LẠCH SUNG
CỬA LẠCH GIANG
ĐẾN CỬA LẠCH GHÉP
LACH GIANG ESTUARY
TO LACH GHEP ESTUARY
GHI CHÚ:
VÙNG ĐẤT CẢNG BIỂN
VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN
KHU NEO ĐẬU, CHUYỂN TẢI KẾT HỢP TRÁNH BÃO
ĐƯỜNG BỘ
ĐƯỜNG SẮT
VÙNG ĐÓN TRẢ HOA TIÊU VÀ KIỂM DỊCH
KHU VỰC NEO, TRÁNH TRÚ BÃO CHO TÀU CÁ TẠI KHU VỰC
BỘ XÂY DỰNG
CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP TVXD CẢNG - ĐƯỜNG THỦY (TEDIPORT)
QUY HOẠCH CHI TIẾT PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT, VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN THANH HÓA THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
TÊN BẢN VẼ:
QUY HOẠCH VÙNG ĐẤT, VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN THANH HÓA KHU VỰC LỆ MÔN, QUẢNG CHÂU, LẠCH SUNG
THÁNG 07 NĂM 2025
BẢN VẼ: TH - QH - 20

Hình 1


QUY HOẠCH VÙNG ĐẤT, VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN THANH HÓA - KHU VỰC NAM NGHI SƠN,BẮC NGHI SƠN VÀ ĐẢO MÊ
NS1
NS2
NS3
NS4
NS5
NS6
NS7
NS8
NS9
GHI CHÚ:
VÙNG ĐẤT CẢNG BIỂN
VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN
KHU NEO ĐẬU, CHUYỂN TẢI KẾT HỢP TRÁNH BÃO
ĐƯỜNG BỘ
ĐƯỜNG SẮT
VÙNG ĐÓN TRẢ HOA TIÊU VÀ KIỂM DỊCH
KHU VỰC NEO, TRÁNH TRÚ BÃO CHO TÀU CÁ TẠI KHU VỰC
BỘ XÂY DỰNG
CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
CÔNG TY CP TVXD CẢNG - ĐƯỜNG THỦY (TEDIPORT)
QUY HOẠCH CHI TIẾT PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT, VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN THANH HÓA THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
QUY HOẠCH VÙNG ĐẤT, VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN THANH HÓA KHU VỰC NAM NGHI SƠN, BẮC NGHI SƠN VÀ ĐẢO MÊ
THÁNG 07 NĂM 2025
BẢN VẼ: TH - QH - 02

Hình 2

E. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI VÀ ĐIỀU KIỆN HÀNG HẢI KHU VỰC CẢNG BIỂN THANH HÓA

I. Vùng đón trả hoa tiêu, kiểm dịch trong vùng nước cảng biển Thanh Hóa

1. Vùng đón trả hoa tiêu tại khu vực Lệ Môn - Thanh Hóa

Trong phạm vi vùng đón trả hoa tiêu được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 01 hải lý, với tâm là điểm LM-PS có tọa độ:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
LM-PS	19°49'00.0"	105°58'00.0"	19°48'56.4"	105°58'06.8"

Độ sâu đạt: 4.0m (bốn mét không).

2. Vùng đón trả hoa tiêu tại khu vực Nghi Sơn - Thanh Hóa

Trong phạm vi vùng đón trả hoa tiêu tại khu vực Nghi Sơn - Thanh Hóa được giới hạn bởi đường tròn bán kính 01 hải lý với tâm là điểm NS-PS có tọa độ:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
NS-PS	19°19'12.0"	105°52'12.0"	19°19'08.4"	105°52'18.7"

Độ sâu:

a. Trong phạm vi nửa hình tròn về phía Nam, độ sâu đạt: 14,2m (mười bốn mét hai).

b. Trong phạm vi nửa hình tròn về phía Bắc, độ sâu đạt: 12,0m (mười hai mét).

3. Vùng đón trả hoa tiêu - Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi đường tròn bán kính 01 hải lý với tâm là vị trí có tọa độ:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
01	19°18'49.2"	106°07'02.6"	19°18'45.7"	106°07'09.3"

II. Vị trí neo đậu kết hợp tránh trú bão cho tàu thuyền trong vùng nước cảng biển Thanh Hóa

1. Khu neo đậu tàu kết hợp tránh, trú bão cho tàu, thuyền khu vực Lệ Môn - Thanh Hóa như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84		Đường kính (m)	Độ sâu (m)
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)		
LM01	19°48'41.5"	105°49'14.2"	19°48'37.9"	105°49'21.0"	180	4,7
LM02	19°48'34.5"	105°49'13.8"	19°48’30.9”	105°49’20.5”	180	4,5
LM03	19°48'28.0"	105°49'10.8"	19°48’24.4”	105°49’17.5”	180	4,9
LM04	19°47'58.7"	105°48'57.2"	19°47’55.1”	105°49’04.0”	180	4,3
LM05	19°47'50.9"	105°48'59.6"	19°47’47.3”	105°49’06.4”	180	4,1

2. Khu neo đậu tàu tại Cảng Nghi Sơn - Thanh Hóa

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84		Bán kính (m)	Độ sâu (m)
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)		
BS1	19°17'21.1"	105°52'05.9"	19°17'17.5"	105°52'12.7"	310	14,8
BS2	19°17'41.8"	105°52'06.0"	19°17'38.2"	105°52'12.8"	310	15
BS3	19°18'02.4"	105°52'06.2"	9°17'58.9"	105°52'12.9"	310	15
BS4	19°17'21.2"	105°51'44.4"	19°17'17.7"	105°51'51.1"	310	14,5
BS5	19°17'41.9"	105°51'44.5"	19°17'38.3"	105°51'51.2"	310	14,6
BS6	19°18'02.5"	105°51'44.6"	19°17'59.0"	105°51'51.3"	310	14,7
BS7	19°17'21.7"	105°51'15.1"	19°17'18.1"	105°51'21.8"	285	13,8
BS8	19°17'41.9"	105°51'15.2"	19°17'38.3"	105°51'21.9"	285	13,8
BS9	19°18'02.0"	105°51'15.3"	19°17'58.4"	105°51'22.0"	285	14,1
BS10	19°18'22.2"	105°51'15.4"	19°18'18.6"	105°51'22.1"	285	14,2
BS11	19°17'22.3"	105°50'55.9"	19°17'18.7"	105°51'02.6"	265	12,8
BS12	19°17'42.1"	105°50'56.0"	19°17'38.5"	105°51'02.7"	265	13,1
BS13	19°18'01.9"	105°50'56.1"	19°17'58.4"	105°51'02.8"	265	13,2
BS14	19°18'21.8"	105°50'56.2"	19°18'18.2"	105°51'02.9"	265	13,4
BS15	19°17'18.4"	105°50'31.6"	19°17'14.8"	105°50'38.3"	205	11,8
BS16	19°17'31.9"	105°50'31.6"	19°17'28.3"	105°50'38.4"	205	11,8
BS17	19°17'45.4"	105°50'31.7"	19°17'41.8"	105°50'38.4"	205	11,8
BS18	19°17'58.9"	105°50'31.8"	19°17'55.3"	105°50'38.5"	205	11,8
BS20	19°18'25.9"	105°50'31.9"	19°18'22.3"	105°50'38.6"	205	12,2
BS21	19°17'19.0"	105°50'18.4"	19°17'15.4"	105°50'25.1"	160	12,2
BS22	19°17'30.1"	105°50'18.4"	19°17'26.5"	105°50'25.2"	160	11,0
BS23	19°17'41.1"	105°50'18.5"	19°1737.6"	105°50'25.2"	160	10,8
BS24	19°17'52.2"	105°50'18.5"	19°17'48.6"	105°50'25.3"	160	10,9
BS25	19°18'03.3"	105°50'18.6"	19°17'59.7"	105°50'25.3"	160	11,1
BS26	19°18'14.3"	105°50'18.7"	19°18'10.7"	105°50'25.4"	160	11,2
BS27	19°18'25.4"	105°50'18.7"	19°18'21.8"	105°50'25.4"	160	11,3

Phụ lục II

THÔNG TIN CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HÀNG HẢI, CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH KHÁC TẠI CẢNG BIỂN VÀ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

(Kèm theo Nội quy cảng biển Thanh Hóa năm 2026)

1. Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa

a) Văn phòng Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa

- Địa chỉ: Phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa
- Điện thoại: +(84) 2373.722.263
- Điện thoại trực ban Thanh Hóa VTS: +(84) 825.093.636
- Email: cangvu.tha@vinamarine.gov.vn; cangvunghison@gmail.com;
- Website: http://www.cangvuhanghaithanhhoa.gov.vn

b) Đại diện Lệ Môn

- Địa chỉ: Cảng Lệ Môn, số 02, đường Bạch Đằng, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa
- Điện thoại: +(84) 02378.983.636

- Email: daidienthanhhoa@gmail.com;

cangvu.tha@vinamarine.gov.vn

2. Chi Cục hải quan khu vực X

- Địa chỉ: 21 Phan Chu Trinh, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa

- Điện thoại: 02373.850.729 hoặc 02373.853.502

3. Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hóa

- Địa chỉ: 12 Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa

- Điện thoại: 0911.806.868

4. Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa

- Địa chỉ : 474 Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa

- Điện thoại : 0911.433.975

5. Danh bạ điện thoại các cơ quan, đơn vị liên quan

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số điện thoại
1	Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa (PCTT-TKCN & PTDS)	02373.852.405
2	Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa	02373.852.433
3	Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa	0949.488.989

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số điện thoại
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa	02373.718.699
5	Trung tâm PHTKCN Hàng hải Khu vực 1	0225.3759.508
6	Văn phòng TT Chỉ huy PTDS, UPSCTT, TKCN	02373.852.130
7	Tổng Công ty BĐATHH Việt Nam	0225.3550.517
8	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Miền Bắc - Hoa tiêu VI	0941.175.971
9	Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam (VISHIPEL)	0203.3825.386

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA
Số 42 Lê Quý Đôn - P. Hạc Thành - Tỉnh Thanh Hóa
Điện thoại: (0237)3852.281 - 3853.548
Fax: (0237)3853.548 * E-mail: nxbthanhhoa79@gmail.com

NỘI QUY CẢNG BIỂN THUỘC KHU VỰC QUẢN LÝ CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI THANH HÓA

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc: ThS. HOÀNG VĂN TÚ

Biên tập: ThS. Vũ Quốc Oai
Bìa: Đặng Đình Thiện
Trình bày: Trần Thu Huyền
Sửa bản in: Trần Thu Huyền

In: 215 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Công ty TNHH In và Thương mại Trường Xuân. Địa chỉ: Tầng 4, số E1, khu X1 đường Phạm Hùng, P. Từ Liêm, TP. Hà Nội. Số xác nhận ĐKXB: .... - 2026/CXBIPH/... - .../ThaH, ngày ... tháng ... năm 2026. QĐ xuất bản số: .../QĐ-NXBThaH, ngày ... tháng 8 năm 2026. In xong và nộp lưu chiểu năm 2026. Mã số ISBN: 978-604-74-...